

Bản án số: 37/2025/HS-ST

Ngày 10 - 9 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương và ông Quảng Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hải Nam - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2025/TLST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2025; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lò Thị K, sinh ngày: 17/8/1974; Nơi sinh: Tỉnh Điện Biên; Nơi thường trú: Bản X, xã Th A, huyện Đ (nay là xã Th A), tỉnh B; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn X (đã chết) và bà Lò Thị P (đã chết); Chồng: Lò Văn H (đã chết) và có 02 người con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1994;

Tiền án: 01 tiền án, tại bản án số 15/2022/HSST ngày 26/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, bị cáo bị xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, ngày 21/11/2023 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: Không;

Nhân thân: Xấu, ngoài lần bị xét xử theo bản án số 15/2022/HSST ngày 26/10/2022, bị cáo còn bị Tòa án xét xử: Ngày 20/3/2000, bị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Ngày 20/3/2003, bị cáo đã chấp hành xong thời gian thử thách án treo; Ngày 25/8/2004, bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xử phạt 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 02/9/2006, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù; Ngày 15/3/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xử phạt 13 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 27/4/2016, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 13/5/2025, tạm giam từ ngày 22/5/2025 cho đến ngày xét xử (có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Lò Văn Đ, sinh ngày: 05/5/1997; Nơi sinh: Tỉnh Điện Biên; Nơi thường trú: Bản P PH, xã Th Y, huyện Đ (nay là xã Th Y), tỉnh B; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn L (đã chết) và bà Vũ Thị H, sinh năm 1959; Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: 01 tiền án, tại bản án số 275/2022/HSST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, bị cáo bị xử phạt 16 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, ngày 10/11/2023 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: Không;

Nhân thân: Xấu, ngoài lần bị xét xử theo bản án số 275/2022/HSST ngày 28/9/2022, ngày 26/02/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xử phạt 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, ngày 16/4/2020 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 13/5/2025, tạm giam từ ngày 22/5/2025 cho đến ngày xét xử (*có mặt tại phiên tòa*).

3. Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn Đ: Bà Lò Thị Xuyên – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (*có mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 11/5/2025, Lò Thị K đi bộ từ nhà ở bản Xôm, xã Thanh An, tỉnh Điện Biên đến khu vực đường bê tông ở đầu bản Xôm, xã Thanh An mục đích tìm mua Methamphetamine về bán kiếm lời. Tại đây, K gặp và mua được của một người đàn ông khoảng 40 tuổi tự giới thiệu tên là Thương nhà ở bản Sáng, xã Thanh An, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên 01 gói Methamphetamine với giá 700.000 đồng. Mua xong, K cất gói ma túy vào túi vải màu đen đeo trên người rồi đi bộ về nhà mở gói Methamphetamine ra đếm được 21 viên, sau đó gói lại như cũ cất vào túi vải màu đen đeo trên người.

Khoảng hơn 18 giờ ngày 12/5/2025 khi K đang ở nhà thì Lò Văn Đ đến đứng trước cổng nhà K hỏi mua 1.000.000 đồng Methamphetamine, mục đích để sử dụng. K đồng ý rồi lấy gói Methamphetamine trong túi vải màu đen đeo trên người mở ra lấy 01 viên, sau đó gói 20 viên Methamphetamine lại như cũ đưa cho Đ, rồi nhận của Đ 1.000.000 đồng cất vào túi màu đen đang đeo trên người, còn 01 viên Methamphetamine K cất ở dưới cuối đệm giường ngủ của K. Mua xong Đ mang gói Methamphetamine về nhà ở bản Nà Pháy, xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên sử dụng 02 lần hết 12 viên Methamphetamine bằng hình thức hít. Trưa ngày 13/5/2025, Đ cầm gói chứa 08 viên Methamphetamine đi bộ ra ngoài tìm chỗ để sử dụng. Hồi 12 giờ cùng ngày, khi Đ đang đi bộ ở trên đường thuộc bản Pa Pháy, xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên thì bị tổ công tác Công an xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên phát hiện, bắt quả tang thu giữ tại tay phải của Đ đang cầm 01 gói nilon màu trắng, bên trong có 08 viên Methamphetamine có khối lượng 0,78 gam.

Hồi 18 giờ 20 phút ngày 13/5/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên khám xét khẩn cấp người, chỗ ở đối với Lò Thị K tại bản Xôm, xã Thanh An, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay là bản Xôm, xã Thanh An, tỉnh Điện Biên) phát hiện thu giữ dưới đệm cuối giường ngủ của K 01 viên Methamphetamine có khối lượng 0,09 gam và thu giữ trong túi vải màu đen K đang đeo trên người số tiền 1.000.000 đồng tiền K bán ma túy cho Đ.

Sau khi mua được 20 viên Methamphetamine của K, Đ đã sử dụng hết 12 viên Methamphetamine, 08 viên Methamphetamine bị thu giữ. Căn cứ về chủng loại, đặc điểm, nguồn gốc ma túy Đ đã sử dụng và bị thu giữ, 01 viên Methamphetamine (0,09 gam) thu giữ của Lò Thị K để xác định khối lượng trung bình 01 viên Methamphetamine đã thu giữ khi bắt quả tang là $(0,78 \text{ gam} + 0,09 \text{ gam})/09 \text{ viên} = 0,097 \text{ gam}$, nên khối lượng của 12 viên Methamphetamine Đ đã sử dụng là $0,097 \times 12 = 1,164 \text{ gam}$.

Vật chứng thu giữ gồm: Thu giữ của Lò Văn Đ 0,78 gam Methamphetamine; 01 mảnh nilon màu trắng; thu giữ của Lò Thị K 0,09 gam Methamphetamine; 01 túi vải màu đen có dây đeo và số tiền 1.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số: 438/KL-KTHS ngày 19/5/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận:

“- Vật chứng gửi giám định thu giữ khi bắt quả tang Lò Văn Đ có khối lượng 0,78 gam là chất ma túy loại: Methamphetamine.

- Vật chứng gửi giám định thu giữ khi khám xét chỗ ở của Lò Thị K có khối lượng 0,09 gam là chất ma túy: Loại Methamphetamine.”

Tại bản Kết luận giám định số: 499/KL-KTHS ngày 03/6/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận:

“- 07 (bảy) tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) có số mã hiệu cụ thể: OM 20386064, QS 20658414, KN 23104645, DK 13645475, SB 17207578, QA 21389203, RY 21847088 gửi giám định **là tiền thật**.

- 06 (sáu) tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng) có số mã hiệu cụ thể: GV 21357712, MA 24866299, FN 23022494, KI 20214917, PN 22289468, AX 21314241 gửi giám định **là tiền thật**.”

Tại bản Cáo trạng số: 22/CT-VKSKV2 ngày 13/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên đã truy tố bị cáo Lò Thị K về tội: Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lò Văn Đ về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38/BLHS: Xử phạt bị cáo Lò Thị K từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38/BLHS: Xử phạt bị cáo Lò Văn Đ 02 năm 09 tháng đến 03 năm 03 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 47/BLHS; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS, tịch thu tiêu huỷ: 0,78 gam Methamphetamine; 01 mảnh nilon màu trắng thu giữ của bị cáo Lò Văn Đ; 0,09 gam Methamphetamine; 01 túi vải màu đen có dây đeo thu giữ của bị cáo Lò Thị K

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 1.000.000 đồng (do bị cáo K thu lời bất chính)

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo buộc bị cáo Lò Thị K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn Đ không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố, cho rằng Viện kiểm sát truy tố, Tòa án xét xử bị cáo là đúng người đúng tội, đúng quy định pháp luật. Vì vậy đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt của đại diện VKS và nhất trí Viện kiểm sát đề nghị, không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí đối với bị cáo Lò Văn Đ. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo không có ý kiến gì với bài bào chữa của Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý.

Căn cứ khoản 2 Điều 136/BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Gia đình bị cáo Lò Văn Đ thuộc hộ cận nghèo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Các Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo có cơ hội ở nhà chăm sóc các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với Biên bản bắt người quả tang, biên bản khám xét, biên bản niêm phong, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng chất ma túy; Kết luận giám định, Biên bản nhận dạng, Kết luận điều tra, các bản cung, biên bản ghi lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo, có đủ cơ sở khẳng định:

[1.1.] Hành vi phạm tội của bị cáo Lò Thị K: Khoảng hơn 18 giờ ngày 12/5/2025, khi K đang ở nhà thì Lò Văn Đ đến đứng trước công nhà K hỏi mua

1.000.000 đồng Methamphetamine. Lò Thị K đã có hành vi bán 20 viên Methamphetamine cho Đ với giá 1.000.000 đồng. Đối với 01 viên Methamphetamine K cất ở dưới cuối đệm giường ngủ của K, quá trình khai nhận hành vi, K khai mục đích cất giấu 01 viên Methamphetamine là để bán khi có người hỏi mua. Căn cứ Kết luận giám định, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng chất ma túy, xác định được khối lượng 21 viên Methamphetamine bị cáo Lò Thị K bán cho Lò Văn Đ là khối lượng của 08 viên Methamphetamine thu giữ của Lò Văn Đ (0,78 gam), 01 viên thu giữ tại nhà của Lò Thị K (0,09 gam) và khối lượng của 12 viên Lò Văn Đ đã sử dụng (được xác định từ khối lượng trung bình của 09 viên Methamphetamine các bị cáo bị thu giữ là 0,097 gam) là: 2,034 gam. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251/BLHS.

“Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.”

[1.2.] Hành vi phạm tội của bị cáo Lò Văn Đ: Khoảng hơn 18 giờ ngày 12/5/2025, Lò Văn Đ mua 20 viên Methamphetamine với giá 1.000.000 đồng của Lò Thị K, mục đích để sử dụng cho bản thân. Bị cáo đã sử dụng hết 12 viên, bị thu giữ quả tang 08 viên Methamphetamine. Căn cứ Kết luận giám định, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng chất ma túy, xác định được khối lượng 20 viên Methamphetamine bị cáo Lò Văn Đ mua của Lò Thị K là khối lượng của 08 viên Methamphetamine thu giữ quả tang của Lò Văn Đ (0,78 gam) và khối lượng của 12 viên Lò Văn Đ đã sử dụng (được xác định từ khối lượng trung bình của 09 viên Methamphetamine các bị cáo bị thu giữ là 0,097 gam) là: 1,944 gam. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

“Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam.”

[2] Về tính chất, mức độ, động cơ hành vi phạm tội của bị cáo: Vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Mặt khác ma túy là hiểm họa của loài người, là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, các bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật nên bị cáo đã đi mua bán ma túy (bị cáo K), để phục vụ nhu cầu bản thân sử dụng (bị cáo Đ), các bị cáo đã coi thường pháp luật; hơn nữa, bản thân các bị cáo còn có nhân thân xấu: về tội phạm ma túy (bị cáo K), nghiện ma túy (bị cáo Đ). Chính vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội mà

mình đã gây ra. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn nghiêm khắc đối với các bị cáo, để giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

- Các bị cáo phạm tội mới khi đều có tiền án, cụ thể:

Bị cáo Lò Thị K phạm tội mới khi chưa được xóa án tích đối với bản án số 15/2022/HSST ngày 26/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, bị cáo bị xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lò Văn Đ phạm tội mới khi chưa được xóa án tích đối với bản án số 275/2022/HSST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, bị cáo bị xử phạt 16 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

- Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu:

Đối với bị cáo Lò Thị K, ngoài lần bị xét xử theo bản án số 15/2022/HSST ngày 26/10/2022, bị cáo còn bị Tòa án xét xử:

+ Ngày 20/3/2000, bị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Ngày 20/3/2003, bị cáo đã chấp hành xong thời gian thử thách án treo.

+ Ngày 25/8/2004, bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xử phạt 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 02/9/2006, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

+ Ngày 15/3/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xử phạt 13 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 27/4/2016, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Đối với bị cáo Lò Văn Đ, ngoài lần bị xét xử theo bản án số 275/2022/HSST ngày 28/9/2022, ngày 26/02/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xử phạt 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, ngày 16/4/2020 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS.

[4]. Hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tù phù hợp, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục, cho bị cáo Đ có thời gian cai nghiện, cho bị cáo K có thời gian nhìn nhận lại bản thân mình để trở thành công dân tốt, có ý thức tuân thủ pháp luật.

[5]. Về hình phạt bổ sung:

Đối với bị cáo Lò Thị K: Theo khoản 5 Điều 251/BLHS: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”, thì ngoài hình phạt chính, người phạm tội còn có thể bị phạt bổ sung, tuy nhiên, xét hoàn cảnh của bị cáo không có tài sản gì có giá trị, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo không có khả năng thi hành.

Đối với bị cáo Lò Văn Đ: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”, thì ngoài hình phạt chính người phạm tội còn có thể bị phạt bổ sung, tuy nhiên, bị cáo là người nghiện ma túy, gia đình thuộc diện cận nghèo, không có tài sản gì có giá trị. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo không có khả năng thi hành.

[6]. Việc đề nghị áp dụng hình phạt của Người bào chữa tham gia phiên tòa đối với bị cáo Lò Thị K là có căn cứ nên HĐXX cần chấp nhận.

[7]. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy vật chứng: 0,73 gam Methamphetamine còn lại sau khi giám định do đây là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành; 01 mảnh nilon màu trắng thu giữ của Lò Văn Đ, 01 túi nilon màu trắng miệng túi có nẹp nhựa cố định thu giữ của Lò Thị K, 01 túi vải màu đen thu giữ của Lò Thị K là các vật để đựng ma túy, do không còn giá trị sử dụng.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của Lò Thị K, đây là số tiền Lò Văn Đ trả tiền mua ma túy cho bị cáo, do đây là số tiền bị cáo Lò Thị K do phạm tội mà có, HĐXX tịch thu vào sung ngân sách Nhà nước toàn bộ số tiền này.

[8]. Các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông dân tộc Thái bị cáo K khai tên là Thường là người bán ma túy cho bị cáo, quá trình Cơ quan điều tra xác minh nhưng không có kết quả xác định công dân tên Thường như bị cáo mô tả, Cơ quan điều tra không có cơ sở để làm rõ. Do vậy, HĐXX không xem xét xử lý.

[9]. Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[10]. Về án phí:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lò Thị K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136/BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn Đ.

[11] Về kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lò Thị K.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lò Văn Đ.

1. Tuyên bố:

1.1. Bị cáo Lò Thị K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Lò Thị K 04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (13/5/2025).

1.2. Bị cáo Lò Văn Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Lò Văn Đ 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (13/5/2025).

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Lò Thị K, Lò Văn Đ.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy gồm:

+ 0,73 gam Methamphetamine còn lại sau khi giám định.

+ 01 mảnh nilon màu trắng, cũ đã qua sử dụng, thu giữ của Lò Văn Đ.

+ 01 túi nilon màu trắng miệng túi có nẹp nhựa cố định, cũ đã qua sử dụng, thu giữ của Lò Thị K.

+ 01 túi vải màu đen có dây đeo màu đen cũ, đã qua sử dụng thu giữ khi khám xét chỗ ở của Lò Thị K.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 07 (Bảy) tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) và 06 (Sáu) tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/8/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 tỉnh Điện Biên).

4. Về án phí:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lò Thị K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136/BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn Đ.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/9/2025)/.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 2 - Điện Biên;
- Công an tỉnh DB (PC04, PV06);
- Cơ quan THAHS tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam;
- THADS tỉnh DB;
- HS THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thương Huyền